

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Bản án số: 391/2020/HSST

Ngày: 29/7/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH Đ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quyền Lương

Ông Nguyễn Thái Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 369/2020/HSST ngày 03/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2020/HSST ngày 12/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc P.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh năm 1993 tại T;

HKTT: 1922, tổ 27, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không;

Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không;

Con ông: Lê Ngọc Đ, sinh năm 1970; Con bà: Trần Thị V (đã chết);

Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con lớn nhất.

Vợ: Vy Thị Phương T, sinh năm 1996, có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 68/2011/HSST ngày 25/01/2011, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt bị cáo 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành hình phạt tù xong ngày 30/6/2011).

Bị bắt ngày 25/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B – Có mặt.

2. Bùi Duy T.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh năm 1994 tại T;

HKTT: 1366, tổ 22, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không;

Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không;

Con ông: Bùi Duy V, sinh năm 1974; Con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1974

Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con lớn nhất và chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 25/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố

B – Có mặt.

3. Khương Công Tr.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh năm 2001 tại T;

HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T;

Nơi cư trú: Không nơi ở nhất định

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không;

Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không;

Con ông: Khương Công H, sinh năm 1968; Con bà: Vũ Thị B, sinh năm 1973.

Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất và chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 25/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố

B – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc P cùng Bùi Duy T và Khương Công Tr là các đối tượng nghiện ma túy cùng thuê trọ tại nhà không số thuộc tổ 18, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.

Ngày 24/3/2020, P đi xe buýt đến khu vực Bến xe M, quận B, thành phố H mua của một thanh niên không rõ nhân thân lai lịch một gói ma túy đá với giá 1.000.000 (một triệu đồng) rồi mang về nhà trọ tại tổ 18, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ sau đó chia nhỏ thành 03 gói nhỏ P lấy một phần cùng với T và Tr sử dụng rồi rủ T và Tr cùng tham gia bán ma túy với P. Tr và T đồng ý. P đưa điện thoại có số 0862984853 cho Tr sử dụng để người nghiện ma túy liên lạc mua ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 25/3/2020 trong lúc P, T, Tr đang ở nhà thì có điện thoại hỏi mua ma túy, Tr nghe điện thoại và đồng ý bán ma túy và hẹn người mua đến trước nhà không số thuộc tổ 18, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ, để giao dịch, rồi Tr báo cho T và P biết để P và T ở nhà bán ma túy còn Tr đi ra ngoài. Đến 11 giờ 50 cùng ngày trong lúc P và T đang ở nhà thì có một người thanh niên không rõ nhân thân lai lịch đến mua ma túy, P nói với T lấy một gói ma túy ra bán cho người mua ma túy với giá 200.000 đồng, khi vừa bán ma túy xong thì P và T bị lực lượng Công

an phường P bắt quả tang, trên cơ sở lời khai của P và T Công an phường bắt giữ Tr sau đó chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố B thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án gồm:

- + 01 (một) gói nilong hàn kín bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng
- + 200.000 (hai trăm nghìn đồng) là tiền P và T bán ma túy có được
- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số thuê bao 0862984853, có số imel 358607071277859 là điện thoại của P đưa cho Tr để liên lạc với người mua ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 621/KLGD-PC09 ngày 30/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (ký hiệu M) gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 0,7982 gam, loại **Methamphetamine**.

Tại bản cáo trạng số 374/CT-VKSBH ngày 30/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố các bị cáo Lê Ngọc P, Bùi Duy T, Khương Công Tr về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo:

- Lê Ngọc P: Từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù
- Bùi Duy T: Từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù
- Khương Công Tr: Từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Ngọc P, Bùi Duy T, Khương Công Tr đều thừa nhận vào ngày 24/3/2020, P đã mua 01 gói ma túy của một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch khu vực Bến xe M, quận B, thành phố H về phòng trọ phân thành 03 gói nhỏ, P lấy 01 gói cùng với T và Tr sử dụng rồi rủ T và Tr tham gia bán ma túy với P thì T và Tr đồng ý. Đến khoảng 11 giờ ngày 25/3/2020, Tr sử dụng điện thoại để người nghiện ma túy liên lạc hẹn địa điểm đến mua ma túy và sau đó khi Lê Ngọc P, Bùi Duy T đang có hành vi bán 01 gói ma túy loại methamphetamine cho một thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch với giá 200.000đ thì bị Công an phường P phát hiện bắt quả tang chuyển Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B xử lý theo quy

định.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Ngọc P, Bùi Duy T, Khương Công Tr đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đời sống cộng đồng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lê Ngọc P là người khởi xướng, rủ rê và là người trực tiếp đi mua ma túy về chia thành các gói nhỏ để sử dụng và bán nên phải chịu trách nhiệm chính; còn các bị cáo Bùi Duy T, Khương Công Tr là người giúp sức tích cực, tham gia bán ma túy nên có vai trò ngang nhau. Vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo T và Tr phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với lượng ma túy còn lại sau giám định theo gói niêm phong số 621 ngày 31/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số thuê bao 0862.984.853, có số imel 358607071277859 các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) là các bị cáo bán ma túy có được cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định.

[6] Về vấn đề khác: Đối với người không rõ nhân thân lai lịch bán ma túy cho Lê Ngọc P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự (Riêng bị cáo T và bị cáo Tr áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự):

Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc P, Bùi Duy T, Khương Công Tr phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt các bị cáo:

- Lê Ngọc P: 03 (ba) năm tù.
- Bùi Duy T: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.
- Khương Công Tr: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo đều tính từ ngày 25/3/2020.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định theo gói niêm phong số 621 ngày 31/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số thuê bao 0862.984.853, có số imel 358607071277859 các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) là các bị cáo bán ma túy có được.

Các vật chứng và số tiền trên được thu giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/7/2020 và Biên lai thu tiền số 000108 ngày 16/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo Lê Ngọc P, Bùi Duy T, Khương Công Tr phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CATP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo – NTG;
- Lưu.

Bùi Lan Hương

